

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng
Chuyên khoa cấp I hệ tập trung, khóa 23 (2018-2020)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 4868/QĐ-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ Y tế ban hành Quy chế Quản lý và đào tạo Chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Công văn số 1828/BYT-K2ĐT ngày 04/4/2018 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn đào tạo CKI, CKII và BSNT;

Căn cứ Biên bản họp xét tốt nghiệp số 2232/BB-ĐHYHN ngày 06/10/2020 của Hội đồng thi tốt nghiệp Sau đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Chuyên khoa cấp I hệ tập trung, khóa 23 (2018-2020) của trường Đại học Y Hà Nội cho 795 (Bảy trăm chín năm) học viên có tên trong phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành..

Điều 3. Trưởng phòng SDH, HC, TCKT, Phòng Công tác HVSV & KTX, TV, các đơn vị liên quan và các học viên có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (b/c)
- Hiệu Trưởng (b/c)
- Lưu: VT, SDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Quốc Hưng



Phụ lục

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
1	1	Nguyễn Thị Vân Anh	17/04/1987	Tuyên Quang	Chẩn đoán hình ảnh
2	2	Nguyễn Hoài Ánh	16/09/1984	Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh
3	3	Mai Văn Bằng	10/04/1986	Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh
4	4	Giáp Ngọc Biện	24/07/1988	Cao Bằng	Chẩn đoán hình ảnh
5	5	Tào Thanh Bình	01/05/1983	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh
6	6	Vũ Ngọc Chính	05/06/1975	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh
7	7	Nguyễn Thành Công	18/10/1976	Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh
8	8	Bùi Cao Cường	10/10/1987	Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh
9	9	Lò Cao Cường	10/06/1985	Yên Bái	Chẩn đoán hình ảnh
10	10	Lê Hữu Dũng	15/02/1985	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh
11	11	Nguyễn Thế Dũng	30/11/1983	Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh
12	12	Nguyễn Văn Dũng	15/02/1991	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh
13	13	Trần Minh Đạt	23/08/1988	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh
14	14	Lê Xuân Đạt	16/10/1987	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh
15	15	Đào Thị Việt Hà	30/01/1990	Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh
16	16	Lê Hồng Hải	22/09/1977	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh
17	17	Lương Thị Bích Hằng	17/08/1989	Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh
18	18	Hoàng Thị Hằng	16/03/1979	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh
19	19	Nguyễn Quang Hòa	30/05/1976	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh
20	20	Quảng Văn Hoan	12/03/1988	Lai Châu	Chẩn đoán hình ảnh
21	21	Trịnh Viết Hoàn	22/02/1988	Bắc Kạn	Chẩn đoán hình ảnh
22	22	Phạm Thị Hồng	14/09/1975	Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh
23	23	Dương Văn Huân	12/06/1981	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh
24	24	Dương Thị Huệ	27/05/1987	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh
25	25	Lê Văn Huy	29/03/1990	Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh
26	26	Lý Xuân Huynh	05/01/1988	Hà Giang	Chẩn đoán hình ảnh
27	27	Nguyễn Đình Huỳnh	16/02/1982	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh
28	28	Vũ Thị Lan Hương	29/10/1987	Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh
29	29	Phạm Thị Hương	02/12/1978	Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh
30	30	Bùi Thanh Khiết	10/12/1978	Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh
31	31	Hoàng Thị Khuyên	16/05/1982	Yên Bái	Chẩn đoán hình ảnh
32	32	Nguyễn Quang Lâm	05/07/1986	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh
33	33	Phạm Thị Hòa Lệ	14/02/1987	Hà Nam	Chẩn đoán hình ảnh
34	34	Phạm Đình Lịch	18/02/1987	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh
35	35	Trần Thị Liễu	12/08/1992	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
36	36	Lê Công Linh	26/06/1991	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh
37	37	Lê Sỹ Lộc	06/09/1975	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh
38	38	Giáp Ngọc Luyện	09/12/1986	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh
39	39	Nguyễn Xuân Luyện	20/06/1974	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh
40	40	Trịnh Anh Lùng	28/06/1990	Thái Nguyên	Chẩn đoán hình ảnh
41	41	Nguyễn Thị Mận	25/05/1988	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh
42	42	Trần Thị Thanh Minh	21/03/1978	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh
43	43	Vũ Thị Ngọc	04/02/1986	Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh
44	44	Ngô Cao Nguyên	09/11/1985	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh
45	45	Nguyễn Thị Phụng	24/05/1978	Hải Phòng	Chẩn đoán hình ảnh
46	46	Hoàng Khắc Sơn	05/06/1984	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh
47	47	Ngô Đức Thanh	02/05/1983	Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh
48	48	Nguyễn Xuân Thành	04/05/1978	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh
49	49	Trần Minh Thảo	30/11/1986	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh
50	50	Đinh Thị Bảo Thoa	14/01/1977	Sơn La	Chẩn đoán hình ảnh
51	51	Nguyễn Thanh Thủy	10/09/1983	Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh
52	52	Hoàng Thị Thúy	15/10/1989	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh
53	53	Trần Hữu Thụy	01/07/1987	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh
54	54	Lê Thị Hồng Trang	24/05/1987	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh
55	55	Hoàng Tiến Trung	07/03/1987	Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh
56	56	Nguyễn Huy Tuấn	04/12/1980	Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh
57	57	Phạm Thanh Tùng	22/10/1990	Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh
58	58	Đoàn Ngọc Tường	12/09/1991	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh
59	59	Nguyễn Thị Viêt	02/02/1982	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh
60	60	Bùi Văn Vinh	07/06/1990	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh
61	61	Nguyễn Thành Luân	17/03/1991	Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh
62	62	Nguyễn Đình Mỹ	10/06/1989	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh
63	1	Trịnh Thị Lan Anh	10/10/1982	Thái Bình	Da liễu
64	2	Đào Văn Cường	05/07/1972	Quảng Ninh	Da liễu
65	3	Phạm Thị Diệp	01/08/1981	Thanh Hóa	Da liễu
66	4	Bùi Thị Dung	13/05/1990	Thái Bình	Da liễu
67	5	Nịnh Thị Hà	18/12/1988	Quảng Ninh	Da liễu
68	6	Phan Thị Hải	23/08/1985	Hà Nội	Da liễu
69	7	Nguyễn Thị Hạnh	10/11/1980	Hòa Bình	Da liễu
70	8	La Thị Hiệt	07/09/1986	Bắc Kạn	Da liễu
71	9	Phan Thị Thanh Huyền	11/11/1981	Hà Nam	Da liễu
72	10	Nguyễn Thị Mến	21/08/1991	Hà Tĩnh	Da liễu

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4275/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
73	11	Nguyễn Thị Thùy My	18/08/1987	Thanh Hóa	Da liễu
74	12	Nguyễn Thị Minh Phụng	06/12/1987	Quảng Ninh	Da liễu
75	13	Dương Thị Thúy Quỳnh	21/02/1991	Nam Định	Da liễu
76	14	Nguyễn Thị Tấn	14/09/1986	Nam Định	Da liễu
77	15	Lê Thị Thanh Thúy	02/08/1986	Quảng Bình	Da liễu
78	16	Bàn Nguyễn Thị Hằng	27/09/1990	Hòa Bình	Da liễu
79	17	Nguyễn Sơn Tùng	13/04/1989	Bắc Ninh	Da liễu
80	18	Trần Thị Hồng Vân	15/06/1991	Hải Dương	Da liễu
81	19	Bùi Văn Vương	04/07/1986	Thái Bình	Da liễu
82	20	Nguyễn Thị Thùy Dung	05/05/1989	Thanh Hóa	Da liễu
83	1	Đinh Ngọc Diệp	11/10/1981	Kiên Giang	Dinh dưỡng
84	2	Đào Thị Hảo	02/09/1986	Hung Yên	Dinh dưỡng
85	3	Bùi Thị Hương	01/10/1988	Ninh Bình	Dinh dưỡng
86	1	Vũ Thị Vân Anh	18/06/1980	Thái Bình	Gây mê hồi sức
87	2	Phạm Thái Bình	15/10/1989	Quảng Ninh	Gây mê hồi sức
88	3	Vương Thế Cường	13/09/1981	Bắc Ninh	Gây mê hồi sức
89	4	Nguyễn Việt Dũng	05/03/1988	Thanh Hóa	Gây mê hồi sức
90	5	Bùi Văn Duy	16/05/1987	Thái Bình	Gây mê hồi sức
91	6	Phạm Xuân Định	19/07/1985	Thanh Hóa	Gây mê hồi sức
92	7	Nguyễn Văn Giới	03/08/1976	Bắc Giang	Gây mê hồi sức
93	8	Trương Thanh Hải	06/11/1988	Hà Giang	Gây mê hồi sức
94	9	Lê Văn Hải	08/09/1987	Thanh Hóa	Gây mê hồi sức
95	10	Ngô Thị Hằng	08/11/1985	Hải Phòng	Gây mê hồi sức
96	11	Nguyễn Trung Hòa	22/11/1981	Sơn La	Gây mê hồi sức
97	12	Đỗ Ngọc Hoàng	24/05/1982	Thái Bình	Gây mê hồi sức
98	13	Nguyễn Thị Hợp	02/12/1987	Thanh Hóa	Gây mê hồi sức
99	14	Lương Thị Minh Huệ	02/04/1987	Yên Bái	Gây mê hồi sức
100	15	Trương Đức Long	25/04/1986	Bắc Ninh	Gây mê hồi sức
101	16	Trần Ngọc Lương	28/10/1981	Phú Thọ	Gây mê hồi sức
102	17	Phạm Xuân Lượng	10/07/1975	Phú Thọ	Gây mê hồi sức
103	18	Phan Huy Mãi	30/09/1972	Hải Dương	Gây mê hồi sức
104	19	Nguyễn Trần Thị Ngoan	20/08/1989	Hà Giang	Gây mê hồi sức
105	20	Mai Hồng Nguyễn	23/06/1989	Hà Tĩnh	Gây mê hồi sức
106	21	Nguyễn Thị Thúy Nguyệt	11/10/1989	Hà Nội	Gây mê hồi sức
107	22	Tạ Thị Hồng Nhung	15/06/1990	Phú Thọ	Gây mê hồi sức
108	23	Bùi Ngọc Quỳnh	18/04/1990	Yên Bái	Gây mê hồi sức

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
109	24	Sùng A Sỗ	12/08/1986	Lai Châu	Gây mê hồi sức
110	25	Vi Minh Sự	17/06/1986	Lạng Sơn	Gây mê hồi sức
111	26	Mai Tiến Thanh	25/11/1984	Nghệ An	Gây mê hồi sức
112	27	Nguyễn Thị Hồng Thắm	20/05/1986	Nghệ An	Gây mê hồi sức
113	28	Phạm Thị Thương	17/11/1988	Hưng Yên	Gây mê hồi sức
114	29	Lê Quang Tiệp	05/02/1982	Bắc Giang	Gây mê hồi sức
115	30	Nguyễn Sỹ Toàn	15/01/1979	Bắc Ninh	Gây mê hồi sức
116	31	Trịnh Vinh Trường	01/12/1983	Thanh Hóa	Gây mê hồi sức
117	32	Trương Thanh Tùng	29/10/1989	Thái Nguyên	Gây mê hồi sức
118	33	Hà Thị Thúy Vân	09/08/1989	Phú Thọ	Gây mê hồi sức
119	34	Dương Quốc Yên	24/01/1988	Phú Thọ	Gây mê hồi sức
120	35	Nguyễn Thị Yến	30/06/1990	Hà Nội	Gây mê hồi sức
121	36	Phạm Thị Yêu	16/05/1978	Yên Bái	Gây mê hồi sức
122	37	Trần Thị Thu Thúy	23/10/1988	Thái Nguyên	Gây mê hồi sức
123	1	Nguyễn Quốc Anh	02/10/1977	Thái Nguyên	Giải phẫu bệnh
124	2	Phạm Ngọc Bích	01/03/1991	Bắc Ninh	Giải phẫu bệnh
125	3	Đinh Thị Hà	26/08/1974	Hà Giang	Giải phẫu bệnh
126	4	Phạm Thị Hoa	03/06/1990	Hưng Yên	Giải phẫu bệnh
127	5	Trần Thị Hồng	01/11/1984	Hà Tĩnh	Giải phẫu bệnh
128	6	Tạ Quốc Hùng	13/07/1973	Phú Thọ	Giải phẫu bệnh
129	7	Nguyễn Văn Hưng	20/02/1975	Hà Nam	Giải phẫu bệnh
130	8	Nguyễn Thị Hương	03/11/1990	Hải Dương	Giải phẫu bệnh
131	9	Đặng Thị Phương Lan	16/03/1981	Nam Định	Giải phẫu bệnh
132	10	Chu Thế Mạnh	07/04/1980	Yên Bái	Giải phẫu bệnh
133	11	Mai Trọng Nghĩa	16/02/1977	Hà Giang	Giải phẫu bệnh
134	12	Trần Ngọc Quyết	30/09/1988	Thái Bình	Giải phẫu bệnh
135	13	Nguyễn Thị Uyên	22/04/1989	Hà Nam	Giải phẫu bệnh
136	1	Phạm Thị Dung	22/03/1989	Hà Giang	Hoá sinh y học
137	2	Dương Thị Thu Hường	01/02/1989	Vĩnh Phúc	Hoá sinh y học
138	3	Nông Thanh Thảo	18/12/1989	Cao Bằng	Hoá sinh y học
139	4	Lương Tiến Thuận	20/04/1987	Hải Phòng	Hoá sinh y học
140	5	Lê Thị Tiến	18/06/1990	Vĩnh Phúc	Hoá sinh y học
141	1	Đinh Tuấn Anh	01/09/1989	Bắc Ninh	Hồi sức cấp cứu
142	2	Nguyễn Công Bình	12/06/1985	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu
143	3	Trương Quang Chiến	27/03/1985	Bắc Giang	Hồi sức cấp cứu
144	4	Nguyễn Thị Chung	12/02/1990	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu
145	5	Trương Ngọc Dũng	16/07/1989	Lào Cai	Hồi sức cấp cứu

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
146	6	Nguyễn Văn Dũng	18/02/1988	Nam Định	Hồi sức cấp cứu
147	7	Nguyễn Việt Dũng	15/12/1988	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
148	8	Thái Hoàng Dương	28/07/1979	Thái Bình	Hồi sức cấp cứu
149	9	Nguyễn Việt Đăng	06/02/1987	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu
150	10	Phạm Minh Đức	06/10/1984	Thanh Hoá	Hồi sức cấp cứu
151	11	Phan Văn Hải	25/03/1988	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
152	12	Đỗ Quang Hiếu	25/12/1990	Lạng Sơn	Hồi sức cấp cứu
153	13	Nguyễn Tô Hoài	14/11/1988	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
154	14	Nguyễn Mạnh Hùng	26/04/1991	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
155	15	Vũ Mạnh Hùng	09/02/1989	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu
156	16	Hồ Thanh Huyền	08/08/1989	Sơn La	Hồi sức cấp cứu
157	17	Nguyễn Thu Hường	22/03/1984	Ninh Bình	Hồi sức cấp cứu
158	18	Lương Tuấn Kiên	18/11/1988	Thái Nguyên	Hồi sức cấp cứu
159	19	Hạ Mạnh Linh	01/09/1989	Lai Châu	Hồi sức cấp cứu
160	20	Vũ Đức Lợi	12/04/1985	Nam Định	Hồi sức cấp cứu
161	21	Phạm Thành Luân	12/03/1989	Nam Định	Hồi sức cấp cứu
162	22	Vũ Thị Hồng Lý	10/10/1991	Hưng Yên	Hồi sức cấp cứu
163	23	Lê Đức Mạnh	03/12/1987	Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu
164	24	Lê Hồng Nhân	10/06/1986	Quảng Bình	Hồi sức cấp cứu
165	25	Nguyễn Hồng Nhung	10/02/1990	Hà Giang	Hồi sức cấp cứu
166	26	Lê Ánh Hồng Phong	28/09/1989	Tuyên Quang	Hồi sức cấp cứu
167	27	Bùi Văn Phước	10/12/1990	Vĩnh Phúc	Hồi sức cấp cứu
168	28	Bùi Ngọc Quân	06/10/1990	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
169	29	Nguyễn Văn Quỳnh	27/12/1989	Hà Giang	Hồi sức cấp cứu
170	30	Đỗ Anh Sơn	01/10/1990	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu
171	31	Đinh Thị Thanh	15/04/1989	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu
172	32	Nguyễn Hữu Thành	21/08/1989	Hòa Bình	Hồi sức cấp cứu
173	33	Trần Văn Thành	08/08/1986	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu
174	34	Bùi Văn Thiện	28/11/1989	Hà Tĩnh	Hồi sức cấp cứu
175	35	Lưu Văn Thìn	24/03/1988	Vĩnh Phúc	Hồi sức cấp cứu
176	36	Vũ Văn Thường	18/06/1990	Thái Bình	Hồi sức cấp cứu
177	37	Nguyễn Văn Tình	10/07/1991	Hà Giang	Hồi sức cấp cứu
178	38	Nguyễn Sỹ Trình	05/08/1990	Hà Tĩnh	Hồi sức cấp cứu
179	39	Dương Như Trường	15/04/1986	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
180	40	Phạm Văn Trường	27/01/1990	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
181	41	Nguyễn Duy Tú	24/09/1990	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
182	42	Vũ Quang Tú	31/10/1989	Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4275/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
183	43	Nguyễn Anh Tuấn	05/12/1991	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
184	44	Nguyễn Mạnh Tuấn	12/03/1988	Bắc Giang	Hồi sức cấp cứu
185	45	Nguyễn Minh Tuấn	11/11/1978	Yên Bái	Hồi sức cấp cứu
186	46	Vũ Văn Tuấn	26/02/1988	Yên Bái	Hồi sức cấp cứu
187	47	Nguyễn Ngọc Tuyền	15/07/1989	Hải Dương	Hồi sức cấp cứu
188	48	Trần Đức Việt	08/05/1989	Nam Định	Hồi sức cấp cứu
189	49	Phan Tuấn Vũ	15/09/1989	Tuyên Quang	Hồi sức cấp cứu
190	50	Phạm Văn Vượng	07/10/1985	Lai Châu	Hồi sức cấp cứu
191	1	Ngô Trọng Công	10/12/1989	Bắc Ninh	Huyết học - Truyền máu
192	2	Phạm Thị Thu Hằng	20/05/1989	Thái Bình	Huyết học - Truyền máu
193	3	Nguyễn Trung Hiếu	21/08/1990	Hung Yên	Huyết học - Truyền máu
194	4	Trần Thị Thanh Hoa	08/03/1984	Nam Định	Huyết học - Truyền máu
195	5	Đỗ Bảo Khánh	12/06/1990	Bắc Giang	Huyết học - Truyền máu
196	6	Nguyễn Mạnh Long	21/12/1991	Hà Nội	Huyết học - Truyền máu
197	7	Nguyễn Văn Nghi	03/06/1980	Hải Phòng	Huyết học - Truyền máu
198	8	Vũ Thị Như Quỳnh	15/09/1982	Hà Nội	Huyết học - Truyền máu
199	9	Trần Thị Bích Thủy	01/03/1980	Quảng Bình	Huyết học - Truyền máu
200	10	Trần Thanh Tùng	09/12/1987	Thái Bình	Huyết học - Truyền máu
201	11	Đinh Thị Tuyền	06/04/1987	Phú Thọ	Huyết học - Truyền máu
202	1	Phạm Xuân Bắc	13/06/1992	Thái Nguyên	Kỹ thuật y học CN XN
203	2	Phạm Thị Kim Dung	24/06/1974	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật y học CN XN
204	3	Nguyễn Thị Minh Hà	20/09/1986	Hà Nội	Kỹ thuật y học CN XN
205	4	Nguyễn Thị Hằng	10/11/1987	Hung Yên	Kỹ thuật y học CN XN
206	5	Lê Thị Ngọc Linh	08/03/1989	Hà Nội	Kỹ thuật y học CN XN
207	6	Hoàng Khắc Lượng	14/10/1982	Thanh Hoá	Kỹ thuật y học CN XN
208	7	Nguyễn Anh Mỹ	02/01/1984	Hà Nội	Kỹ thuật y học CN XN
209	8	Đinh Duy Nhân	04/03/1983	Hà Nội	Kỹ thuật y học CN XN
210	9	Nguyễn Thị Thu	10/05/1983	Hà Nội	Kỹ thuật y học CN XN
211	10	Nguyễn Thị Thu Thủy	13/12/1983	Quảng Ninh	Kỹ thuật y học CN XN
212	11	Cao Thị Anh Vân	09/11/1984	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật y học CN XN
213	12	Nguyễn Bá Vương	11/08/1976	Thái Bình	Kỹ thuật y học CN XN
214	1	Hoàng Thị Huế	20/09/1990	Hà Giang	Lao và bệnh phổi
215	2	Hoàng Văn Hùng	20/05/1988	Hà Giang	Lao và bệnh phổi
216	3	Bùi Thị Thùy Linh	24/09/1988	Ninh Bình	Lao và bệnh phổi
217	4	Vũ Xuân Lộc	02/02/1976	Bắc Giang	Lao và bệnh phổi
218	5	Nguyễn Văn Túc	02/09/1976	Bắc Giang	Lao và bệnh phổi
219	1	Nguyễn Thái Anh	18/04/1989	Quảng Ninh	Ngoại khoa
220	2	Hà Tuấn Anh	01/02/1990	Vĩnh Phúc	Ngoại khoa
221	3	Hoàng Văn Báo	16/08/1989	Hà Giang	Ngoại khoa
222	4	Nguyễn Văn Bảy	31/08/1989	Hà Nội	Ngoại khoa
223	5	Vũ Thế Cầu	21/09/1986	Quảng Ninh	Ngoại khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4275/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
224	6	Chu Văn Châm	23/03/1987	Bắc Giang	Ngoại khoa
225	7	Vương Văn Côn	20/09/1990	Tuyên Quang	Ngoại khoa
226	8	Lìa Lao Của	02/03/1984	Sơn La	Ngoại khoa
227	9	Dương Văn Dinh	27/12/1988	Nam Định	Ngoại khoa
228	10	Và A Dơ	08/10/1989	Sơn La	Ngoại khoa
229	11	Lê Anh Dũng	20/08/1989	Quảng Bình	Ngoại khoa
230	12	Nguyễn Hoàng Dũng	26/11/1990	Thanh Hóa	Ngoại khoa
231	13	Tạ Trung Dũng	14/11/1987	Sơn La	Ngoại khoa
232	14	Phan Văn Đức	23/12/1991	Thái Bình	Ngoại khoa
233	15	Nguyễn Thái Hà	01/07/1979	Phú Thọ	Ngoại khoa
234	16	Chu Văn Hà	07/07/1990	Hải Dương	Ngoại khoa
235	17	Trần Văn Hải	19/04/1989	Ninh Bình	Ngoại khoa
236	18	Vũ Văn Hải	22/02/1986	Bắc Ninh	Ngoại khoa
237	19	Mai Văn Hậu	01/01/1985	Ninh Bình	Ngoại khoa
238	20	Phạm Chí Hiển	25/12/1989	Ninh Bình	Ngoại khoa
239	21	Nguyễn Văn Hiệp	12/10/1986	Thanh Hoá	Ngoại khoa
240	22	Nguyễn Xuân Hiệu	21/01/1985	Thanh Hóa	Ngoại khoa
241	23	Phạm Văn Hoàn	11/11/1991	Bắc Ninh	Ngoại khoa
242	24	Nguyễn Huy Hoàng	17/01/1990	Hà Tĩnh	Ngoại khoa
243	25	Trần Khánh Hoàng	27/03/1989	Sơn La	Ngoại khoa
244	26	Hoàng Văn Hội	08/11/1989	Hải Dương	Ngoại khoa
245	27	Nguyễn Sóng Hồng	13/08/1983	Nghệ An	Ngoại khoa
246	28	Vũ Viết Huân	05/02/1987	Thái Bình	Ngoại khoa
247	29	Nguyễn Văn Huệ	29/07/1983	Hà Giang	Ngoại khoa
248	30	Đào Đình Hùng	20/11/1989	Yên Bái	Ngoại khoa
249	31	Nguyễn Quốc Huy	05/01/1987	Lai Châu	Ngoại khoa
250	32	Nguyễn Văn Huy	01/01/1985	Hà Giang	Ngoại khoa
251	33	Nguyễn Doãn Huỳnh	02/02/1989	Hà Tĩnh	Ngoại khoa
252	34	Trần Quang Hưng	13/10/1986	Hà Nội	Ngoại khoa
253	35	Nguyễn Thanh Hưng	17/04/1990	Thanh Hoá	Ngoại khoa
254	36	Nguyễn Ngọc Khanh	16/09/1991	Thái Nguyên	Ngoại khoa
255	37	Lý Mạnh Khánh	02/09/1989	Lạng Sơn	Ngoại khoa
256	38	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/1989	Hải Phòng	Ngoại khoa
257	39	Phạm Hùng Kiên	11/05/1989	Hưng Yên	Ngoại khoa
258	40	Nguyễn Trung Kiên	29/10/1991	Bắc Giang	Ngoại khoa
259	41	Hoàng Văn Lệnh	20/07/1987	Lạng Sơn	Ngoại khoa
260	42	Văn Huy Linh	05/07/1988	Nghệ An	Ngoại khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
261	43	Nguyễn Hoàng Long	26/03/1988	Nghệ An	Ngoại khoa
262	44	Nguyễn Phi Long	04/09/1989	Hà Nam	Ngoại khoa
263	45	Nguyễn Văn Long	08/07/1984	Bắc Giang	Ngoại khoa
264	46	Phạm Ngọc Lưu	27/10/1983	Nghệ An	Ngoại khoa
265	47	Phạm Đức Mạnh	18/04/1989	Thái Nguyên	Ngoại khoa
266	48	Nguyễn Thế Minh	07/09/1989	Hà Nội	Ngoại khoa
267	49	Phạm Thành Nam	13/11/1988	Thái Bình	Ngoại khoa
268	50	Đinh Văn Nam	03/07/1986	Thanh Hoá	Ngoại khoa
269	51	Nguyễn Văn Ngay	16/03/1976	Bắc Giang	Ngoại khoa
270	52	Phạm Văn Phi	20/01/1986	Nghệ An	Ngoại khoa
271	53	Lưu Hồng Phong	05/06/1984	Cao Bằng	Ngoại khoa
272	54	Phan Ngọc Quân	11/10/1990	Phú Thọ	Ngoại khoa
273	55	Diệp Đình Quý	05/02/1981	Tuyên Quang	Ngoại khoa
274	56	Nguyễn Xuân Quyết	31/10/1985	Nam Định	Ngoại khoa
275	57	Nguyễn Thanh Sơn	12/12/1991	Nam Định	Ngoại khoa
276	58	Hoàng Trường Sơn	05/08/1988	Cao Bằng	Ngoại khoa
277	59	Nguyễn Minh Tâm	22/10/1988	Quảng Ninh	Ngoại khoa
278	60	Nguyễn Ngọc Thái	03/02/1985	Hung Yên	Ngoại khoa
279	61	Nguyễn Hữu Thanh	01/07/1986	Phú Thọ	Ngoại khoa
280	62	Lê Đức Thắng	15/12/1992	Thanh Hóa	Ngoại khoa
281	63	Phạm Hùng Thắng	03/07/1989	Hà Nội	Ngoại khoa
282	64	Nguyễn Dương Nhật Thi	27/06/1990	Hà Nội	Ngoại khoa
283	65	Phạm Công Thiết	01/12/1987	Thanh Hoá	Ngoại khoa
284	66	Lộc Trần Thịnh	10/10/1989	Hà Giang	Ngoại khoa
285	67	Nông Đức Thọ	05/07/1990	Cao Bằng	Ngoại khoa
286	68	Hoàng Văn Thu	10/08/1987	Yên Bái	Ngoại khoa
287	69	Ngô Thanh Thuần	25/08/1987	Hung Yên	Ngoại khoa
288	70	Trần Văn Toàn	28/02/1988	Hà Nam	Ngoại khoa
289	71	Nguyễn Khánh Trinh	20/12/1982	Bắc Giang	Ngoại khoa
290	72	Nguyễn Giang Trung	27/09/1990	Bắc Kạn	Ngoại khoa
291	73	Trần Thành Trung	21/05/1991	Thái Bình	Ngoại khoa
292	74	Trần Văn Tuấn	10/08/1987	Thanh Hóa	Ngoại khoa
293	75	Hồ Hữu Tùng	14/02/1990	Hà Giang	Ngoại khoa
294	76	Phạm Công Tuyên	22/12/1984	Vĩnh Phúc	Ngoại khoa
295	77	Đinh Xuân Tuyên	03/09/1991	Hà Giang	Ngoại khoa
296	78	Lê Văn Tứ	06/02/1987	Thanh Hóa	Ngoại khoa
297	79	Nguyễn Văn Việt	19/05/1989	Hà Nội	Ngoại khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số ~~4245~~ /QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
298	80	Trần Quang Vinh	11/08/1988	Thái Bình	Ngoại khoa
299	81	Đỗ Thị Xuân	09/01/1983	Thái Bình	Ngoại khoa
300	1	Nguyễn Đức Anh	30/05/1987	Nghệ An	Nhân khoa
301	2	Đỗ Thị Chiêm	06/01/1989	Hải Dương	Nhân khoa
302	3	Chu Kiều Giang	27/11/1988	Yên Bái	Nhân khoa
303	4	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	20/02/1986	Ninh Bình	Nhân khoa
304	5	Trần Thị Hảo	18/08/1976	Bắc Giang	Nhân khoa
305	6	Nguyễn Thị Mai Huệ	30/07/1988	Bắc Kạn	Nhân khoa
306	7	Đàm Thị Huyền	27/08/1989	Thanh Hóa	Nhân khoa
307	8	Nguyễn Thị Thu Lan Hương	07/04/1986	Phú Thọ	Nhân khoa
308	9	Nguyễn Thị Thu Hương	05/10/1991	Phú Thọ	Nhân khoa
309	10	Nguyễn Thị Hường	30/01/1985	Thanh Hóa	Nhân khoa
310	11	Đỗ Hữu Khương	12/08/1982	Hưng Yên	Nhân khoa
311	12	Trương Văn Kiên	03/08/1982	Hà Nam	Nhân khoa
312	13	Lê Thị Liên	07/02/1988	Thanh Hóa	Nhân khoa
313	14	Nguyễn Văn Sơn	24/10/1982	Hà Nam	Nhân khoa
314	15	Nguyễn Đăng Thu	20/06/1982	Bắc Ninh	Nhân khoa
315	16	Nguyễn Thị Thủy	10/04/1987	Hà Nội	Nhân khoa
316	17	Trịnh Thị Thủy	20/09/1987	Thanh Hóa	Nhân khoa
317	18	Đỗ Văn Toàn	06/03/1989	Nam Định	Nhân khoa
318	19	Trung Văn Tuyển	27/11/1988	Quảng Ninh	Nhân khoa
319	1	Tạ Văn An	04/11/1989	Hà Nội	Nhi khoa
320	2	Đỗ Thị Bắc	20/07/1986	Nam Định	Nhi khoa
321	3	Nguyễn Thị Ngọc Bích	01/08/1982	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
322	4	Nguyễn Thị Bích	26/10/1985	Hà Nội	Nhi khoa
323	5	Nguyễn Thành Chung	20/06/1989	Ninh Bình	Nhi khoa
324	6	Trần Văn Chung	03/02/1987	Bắc Ninh	Nhi khoa
325	7	Nguyễn Đình Công	27/01/1989	Hải Dương	Nhi khoa
326	8	Đỗ Thị Cúc	06/12/1985	Lạng Sơn	Nhi khoa
327	9	Đào Đình Cường	07/12/1985	Hà Nam	Nhi khoa
328	10	Phạm Danh	20/05/1985	Hà Tĩnh	Nhi khoa
329	11	Dương Thị Dung	27/10/1986	Bắc Ninh	Nhi khoa
330	12	Tổng Thị Lệ Duyên	07/05/1985	Hà Nội	Nhi khoa
331	13	Nguyễn Thị Thùy Dương	23/12/1989	Ninh Bình	Nhi khoa
332	14	Nguyễn Hương Giang	21/10/1982	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
333	15	Cao Thị Giang	07/12/1988	Điện Biên	Nhi khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số ~~428~~ ⁴²¹⁵/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
334	16	Hoàng Ngọc Hà	06/03/1988	Bắc Kạn	Nhi khoa
335	17	Nguyễn Thanh Hà	25/10/1988	Hà Nội	Nhi khoa
336	18	Đào Thị Thu Hà	07/05/1987	Hà Nội	Nhi khoa
337	19	Đào Thị Thu Hà	26/08/1988	Ninh Bình	Nhi khoa
338	20	Nguyễn Thị Hạnh	07/07/1988	Thanh Hóa	Nhi khoa
339	21	Vũ Thị Hằng	12/09/1982	Hải Dương	Nhi khoa
340	22	Phạm Gia Ilân	22/08/1986	Hà Nội	Nhi khoa
341	23	Nguyễn Thị Hiền	06/11/1987	Nam Định	Nhi khoa
342	24	Phạm Thị Hiền	20/02/1988	Thanh Hóa	Nhi khoa
343	25	Trần Thị Hiền	03/03/1985	Nam Định	Nhi khoa
344	26	Nguyễn Thu Hiền	07/08/1987	Hà Nội	Nhi khoa
345	27	Đinh Xuân Hoàng	19/12/1988	Hà Nội	Nhi khoa
346	28	Phan Thị Huệ	05/07/1992	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
347	29	Tăng Thị Huệ	26/12/1988	Bắc Ninh	Nhi khoa
348	30	Lê Anh Huy	11/12/1987	Hưng Yên	Nhi khoa
349	31	Lương Đức Huy	09/12/1979	Thanh Hóa	Nhi khoa
350	32	Nguyễn Văn Huynh	04/11/1984	Hà Nội	Nhi khoa
351	33	Nguyễn Văn Hưng	13/03/1985	Bắc Giang	Nhi khoa
352	34	Phạm Văn Hưng	22/02/1991	Hà Nam	Nhi khoa
353	35	Hà Thu Hương	10/10/1989	Tuyên Quang	Nhi khoa
354	36	Lương Thị Hoàng Lan	26/12/1987	Hà Nội	Nhi khoa
355	37	Hoàng Quỳnh Lan	20/12/1986	Hòa Bình	Nhi khoa
356	38	Nguyễn Thị Lê	11/11/1990	Nghệ An	Nhi khoa
357	39	Nguyễn Thị Bích Liên	08/12/1989	Ninh Bình	Nhi khoa
358	40	Phạm Thùy Linh	01/10/1987	Nghệ An	Nhi khoa
359	41	Lương Thành Long	04/11/1986	Cao Bằng	Nhi khoa
360	42	Nguyễn Thành Long	27/02/1989	Lạng Sơn	Nhi khoa
361	43	Hà Thị Lương	20/07/1985	Bắc Ninh	Nhi khoa
362	44	Thạch Thị Miên	16/10/1986	Hà Nội	Nhi khoa
363	45	Hà Hoài Nam	01/11/1987	Yên Bái	Nhi khoa
364	46	Trần Thị Ngân	18/06/1986	Bắc Ninh	Nhi khoa
365	47	Hoàng Thị Ngôn	18/05/1990	Yên Bái	Nhi khoa
366	48	Lê Thị Nguyệt	27/10/1985	Nam Định	Nhi khoa
367	49	Nguyễn Thị Hồng Nhân	02/08/1989	Nghệ An	Nhi khoa
368	50	Trần Lương Nhân	02/05/1983	Thái Bình	Nhi khoa
369	51	Nguyễn Thị Nhật	14/05/1987	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
370	52	Đặng Thị Hồng Nhung	03/03/1984	Phú Thọ	Nhi khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4275/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
371	53	Nguyễn Thị Nhung	08/09/1988	Bắc Giang	Nhi khoa
372	54	Dương Thúy Nhung	26/11/1986	Hà Nội	Nhi khoa
373	55	Kiều Ngọc Phú	10/12/1989	Hà Tĩnh	Nhi khoa
374	56	Lê Thị Thu Phương	02/08/1989	Hà Nội	Nhi khoa
375	57	Nguyễn Thị Thu Phương	14/01/1990	Hà Giang	Nhi khoa
376	58	Tạ Xuân Phương	13/12/1983	Hà Nội	Nhi khoa
377	59	Lê Hải Quân	28/09/1986	Thanh Hóa	Nhi khoa
378	60	Mai Thị Lệ Quyên	13/02/1985	Hà Tĩnh	Nhi khoa
379	61	Đỗ Như Quỳnh	27/11/1987	Ninh Bình	Nhi khoa
380	62	Vũ Thị Sơn	02/06/1988	Nam Định	Nhi khoa
381	63	Nguyễn Văn Tài	27/02/1989	Thanh Hóa	Nhi khoa
382	64	Nguyễn Thị Minh Tâm	11/11/1983	Hà Nội	Nhi khoa
383	65	Vũ Thị Tâm	29/05/1987	Hưng Yên	Nhi khoa
384	66	Nguyễn Thị Thanh	30/10/1986	Nam Định	Nhi khoa
385	67	Nguyễn Tiến Thành	04/10/1988	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
386	68	Phạm Hồng Thảo	10/08/1984	Hải Dương	Nhi khoa
387	69	Nguyễn Thị Thảo	15/03/1988	Bắc Giang	Nhi khoa
388	70	Nguyễn Thị Thảo	11/02/1987	Lạng Sơn	Nhi khoa
389	71	Phạm Thu Thảo	01/04/1990	Thanh Hóa	Nhi khoa
390	72	Phạm Thị Thẩm	11/11/1990	Hưng Yên	Nhi khoa
391	73	Hoàng Viêt Thịnh	01/08/1984	Bắc Giang	Nhi khoa
392	74	Lê Thị Thủy	16/06/1987	Thanh Hóa	Nhi khoa
393	75	Bùi Ngọc Thuyên	20/02/1980	Thanh Hóa	Nhi khoa
394	76	Lê Thị Thư	17/06/1985	Bắc Giang	Nhi khoa
395	77	Nguyễn Văn Thứ	06/02/1985	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
396	78	Nguyễn Văn Toàn	04/08/1988	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
397	79	Nguyễn Hồng Trang	19/02/1992	Nam Định	Nhi khoa
398	80	Lê Thị Huyền Trang	10/10/1986	Thanh Hóa	Nhi khoa
399	81	Lê Thu Trang	15/09/1987	Hà Nội	Nhi khoa
400	82	Nguyễn Thị Thu Trang	02/08/1987	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
401	83	Nguyễn Duy Trúc	13/01/1988	Hải Dương	Nhi khoa
402	84	Đồng Huy Tú	22/12/1991	Thái Nguyên	Nhi khoa
403	85	Nguyễn Văn Tuấn	23/08/1984	Nam Định	Nhi khoa
404	86	Lương Văn Tuấn	28/02/1990	Thái Nguyên	Nhi khoa
405	87	Nguyễn Văn Tùng	24/07/1987	Bắc Giang	Nhi khoa
406	88	Đàm Thị Tuyết	30/03/1980	Vĩnh Phúc	Nhi khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4275/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
407	89	Trần Thị Tuyết	27/03/1989	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
408	90	Đỗ Thị Vân	09/09/1983	Hải Dương	Nhi khoa
409	91	Trương Thị Vân	23/12/1986	Hưng Yên	Nhi khoa
410	92	Trần Văn Vích	19/09/1989	Hưng Yên	Nhi khoa
411	93	Nguyễn Văn Vinh	04/08/1980	Hà Nội	Nhi khoa
412	94	Vũ Thị Xuân	18/08/1989	Hà Nội	Nhi khoa
413	95	Lê Thị Hải Yến	23/12/1990	Phú Thọ	Nhi khoa
414	96	Bùi Thị Yến	07/12/1985	Bắc Giang	Nhi khoa
415	97	Đặng Thị Hà	16/03/1989	Hà Nội	Nhi khoa
416	1	Võ Thị Lan Anh	30/01/1973	Hà Nội	Nội khoa
417	2	Bùi Thị Anh	21/02/1989	Hoà Bình	Nội khoa
418	3	Lê Thị Vân Anh	25/08/1988	Quảng Bình	Nội khoa
419	4	Đinh Thị Ngọc Ánh	29/10/1988	Hà Nội	Nội khoa
420	5	Hoàng Thị Bến	22/10/1989	Lạng Sơn	Nội khoa
421	6	Trần Đồng Bình	15/01/1989	Hà Nam	Nội khoa
422	7	Nguyễn Thái Bình	19/07/1988	Ninh Bình	Nội khoa
423	8	Triệu Thị Bình	30/04/1986	Bắc Giang	Nội khoa
424	9	Phan Lệ Kim Chi	25/02/1989	Hải Phòng	Nội khoa
425	10	Vũ Hà Chí	16/05/1988	Hà Nội	Nội khoa
426	11	Vũ Đình Chung	30/11/1989	Hải Dương	Nội khoa
427	12	Phạm Phúc Côn	27/06/1992	Thái Bình	Nội khoa
428	13	Phạm Văn Cường	20/10/1988	Hải Dương	Nội khoa
429	14	Lê Trần Diễm	07/01/1984	Hà Nội	Nội khoa
430	15	Lâm Ngọc Du	29/09/1990	Hà Giang	Nội khoa
431	16	Lê Thị Dung	10/01/1986	Ninh Bình	Nội khoa
432	17	Thiều Thị Duyên	11/04/1989	Thanh Hoá	Nội khoa
433	18	Nguyễn Thuỳ Dương	15/04/1983	Phú Thọ	Nội khoa
434	19	Vũ Văn Đại	10/05/1989	Hải Dương	Nội khoa
435	20	Trịnh Văn Đoan	02/06/1985	Bắc Giang	Nội khoa
436	21	Nguyễn Văn Đức	13/03/1989	Bắc Ninh	Nội khoa
437	22	Chu Thị Thu Hà	01/05/1984	Hà Nội	Nội khoa
438	23	Phạm Minh Hải	05/05/1982	Thanh Hoá	Nội khoa
439	24	Đặng Thị Hằng	27/02/1988	Bắc Ninh	Nội khoa
440	25	Phan Thị Thu Hằng	25/02/1989	Hải Phòng	Nội khoa
441	26	Trần Ngọc Hân	10/11/1988	Hải Dương	Nội khoa
442	27	Nguyễn Thị Hiền	23/03/1983	Yên Bái	Nội khoa
443	28	Trần Thị Hiền	18/01/1987	Bắc Giang	Nội khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4275/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
444	29	Phùng Thị Kim Hiệp	22/12/1986	Vĩnh Phúc	Nội khoa
445	30	Cao Xuân Hiếu	02/01/1990	Quảng Trị	Nội khoa
446	31	Hoàng Sĩ Hoa	10/06/1990	Lạng Sơn	Nội khoa
447	32	Nguyễn Thanh Hoa	06/02/1981	Phú Thọ	Nội khoa
448	33	Nguyễn Đình Hoàng	12/11/1991	Hà Tĩnh	Nội khoa
449	34	Phạm Huy Hoàng	25/04/1982	Hưng Yên	Nội khoa
450	35	Nguyễn Thị Huệ	20/11/1988	Bắc Ninh	Nội khoa
451	36	Vũ Thanh Hùng	08/11/1982	Tuyên Quang	Nội khoa
452	37	Nguyễn Viết Hùng	14/12/1986	Hà Nội	Nội khoa
453	38	Trần Khánh Huyền	06/05/1991	Hải Phòng	Nội khoa
454	39	Chu Thị Huyền	10/02/1992	Hà Nội	Nội khoa
455	40	Nguyễn Hoàng Mai Hương	27/09/1989	Bắc Ninh	Nội khoa
456	41	Nông Thị Mai Hương	20/07/1988	Cao Bằng	Nội khoa
457	42	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	03/04/1985	Hưng Yên	Nội khoa
458	43	Dương Thị Thu Hương	25/03/1989	Hà Nội	Nội khoa
459	44	Nguyễn Thị Hường	20/10/1989	Ninh Bình	Nội khoa
460	45	Lê Thị Kết	23/07/1986	Thanh Hoá	Nội khoa
461	46	Nguyễn Thị Lan	25/06/1988	Thái Bình	Nội khoa
462	47	Tòng Thị Lan	28/05/1988	Sơn La	Nội khoa
463	48	Bùi Thị Diệu Linh	12/10/1984	Nam Định	Nội khoa
464	49	Phạm Thị Trang Linh	05/12/1986	Thái Nguyên	Nội khoa
465	50	Nguyễn Chấn Long	24/11/1991	Thái Bình	Nội khoa
466	51	Trần Thị Lư	15/10/1987	Lai Châu	Nội khoa
467	52	Lê Đình Lương	07/04/1988	Thanh Hoá	Nội khoa
468	53	Bùi Thị Kim Lương	02/12/1987	Hà Nội	Nội khoa
469	54	Lê Thị Ngọc Mai	25/05/1989	Hà Nội	Nội khoa
470	55	Vũ Thị Mị	05/02/1991	Hà Giang	Nội khoa
471	56	Nguyễn Đình Minh	20/10/1989	Quảng Ninh	Nội khoa
472	57	Nguyễn Thị Thanh Minh	20/05/1988	Nghệ An	Nội khoa
473	58	Đỗ Thị Ngân	06/03/1990	Hải Dương	Nội khoa
474	59	Bế Thị Nghiệp	22/02/1985	Bắc Kạn	Nội khoa
475	60	Mai Thị Bích Ngọc	20/04/1987	Thanh Hoá	Nội khoa
476	61	Nguyễn Thị Phương Nhật	10/08/1989	Hà Nội	Nội khoa
477	62	Trần Thị Hồng Nhung	05/05/1990	Hà Giang	Nội khoa
478	63	Huỳnh Thị Oanh	05/03/1986	Thanh Hoá	Nội khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
479	64	Vũ Tân Phong	06/02/1990	Thái Bình	Nội khoa
480	65	Nguyễn Thị Phú	10/10/1987	Ninh Bình	Nội khoa
481	66	Trần Đăng Phúc	02/01/1988	Hà Nội	Nội khoa
482	67	Chu Bá Quyết	24/01/1987	Hà Giang	Nội khoa
483	68	Lê Bá Sinh	02/04/1986	Thanh Hoá	Nội khoa
484	69	Ngô Anh Sơn	01/10/1986	Bắc Giang	Nội khoa
485	70	Lê Công Sỹ	07/05/1986	Hà Nội	Nội khoa
486	71	Lê Ngọc Tâm	10/12/1986	Thanh Hoá	Nội khoa
487	72	Nguyễn Thị Ninh Thanh	05/08/1987	Hưng Yên	Nội khoa
488	73	Nguyễn Thị Quỳnh Thắm	24/12/1988	Nghệ An	Nội khoa
489	74	Nguyễn Thị Thêm	15/01/1983	Ninh Bình	Nội khoa
490	75	Nguyễn Văn Thiết	23/12/1992	Bắc Ninh	Nội khoa
491	76	Nguyễn Như Thịnh	03/04/1987	Hà Nam	Nội khoa
492	77	Nguyễn Thị Thu	16/09/1986	Thái Bình	Nội khoa
493	78	Bùi Văn Thức	24/11/1990	Hà Nam	Nội khoa
494	79	Vũ Đức Tiến	10/07/1985	Hà Nội	Nội khoa
495	80	Phùng Văn Tiến	03/02/1986	Quảng Ninh	Nội khoa
496	81	Nguyễn Thị Toan	04/02/1988	Thái Bình	Nội khoa
497	82	Đình Quang Toàn	21/07/1989	Phú Thọ	Nội khoa
498	83	Nông Thị Huyền Trang	25/06/1988	Bắc Kạn	Nội khoa
499	84	Lê Thị Như Trang	29/06/1989	Hà Giang	Nội khoa
500	85	Phạm Thị Út Trang	01/06/1988	Quảng Ninh	Nội khoa
501	86	Lương Đình Trung	27/09/1989	Hải Dương	Nội khoa
502	87	Nguyễn Văn Trường	25/07/1986	Hà Nội	Nội khoa
503	88	Đình Hoàng Tuấn	04/09/1989	Hoà Bình	Nội khoa
504	89	Nguyễn Mạnh Tuấn	11/08/1988	Quảng Ninh	Nội khoa
505	90	Đàm Minh Tuấn	13/03/1991	Nghệ An	Nội khoa
506	91	Đặng Tài Tuệ	14/12/1983	Hà Giang	Nội khoa
507	92	Nguyễn Đình Tuyên	16/11/1988	Thái Bình	Nội khoa
508	93	Lương Minh Tuyên	05/07/1991	Quảng Ninh	Nội khoa
509	94	Bùi Thị Tư	06/05/1988	Hoà Bình	Nội khoa
510	95	Phan Thị Uyên	14/01/1989	Ninh Bình	Nội khoa
511	96	Nguyễn Thị Vang	16/09/1978	Bắc Ninh	Nội khoa
512	97	Nguyễn Xuân Văn	30/09/1990	Thái Bình	Nội khoa
513	98	Nguyễn Thị Hồng Vi	24/04/1983	Phú Thọ	Nội khoa
514	99	Lưu Thị Việt	08/11/1985	Hà Giang	Nội khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
515	100	Lưu Thị Hải Yến	09/09/1986	Thái Bình	Nội khoa
516	101	Bùi Thị Yến	13/08/1989	Thái Bình	Nội khoa
517	102	Thế Thị Thanh Hiền	29/10/1986	Hà Nội	Nội khoa
518	103	Mã Thị Hòa	28/12/1989	Hà Giang	Nội khoa
519	104	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	17/09/1986	Hải Dương	Nội khoa
520	1	Nguyễn Thị Thuỳ Anh	21/07/1988	Quảng Bình	Phục hồi chức năng
521	2	Hoàng Thị Diễm	01/01/1990	Bắc Kạn	Phục hồi chức năng
522	3	Đào Đức Duy	10/10/1991	Thái Bình	Phục hồi chức năng
523	4	Đinh Hữu Đại	25/12/1987	Quảng Ninh	Phục hồi chức năng
524	5	Trần Thị Hồng Gấm	16/06/1989	Nam Định	Phục hồi chức năng
525	6	Nguyễn Thị Hưởng	04/09/1987	Phú Thọ	Phục hồi chức năng
526	7	Lê Thị Mai	04/11/1987	Quảng Ninh	Phục hồi chức năng
527	8	Nguyễn Thị Phương	09/08/1992	Thanh Hoá	Phục hồi chức năng
528	9	Nguyễn Tiến Quyết	29/07/1982	Vĩnh Phúc	Phục hồi chức năng
529	10	Chu Minh Thiện	22/12/1982	Hà Giang	Phục hồi chức năng
530	11	Nguyễn Thị Thoa	28/02/1986	Hải Phòng	Phục hồi chức năng
531	12	Dinh Thị Thu	05/11/1977	Hà Giang	Phục hồi chức năng
532	13	Quách Thế Tùng	23/06/1990	Hoà Bình	Phục hồi chức năng
533	1	Phạm Tiến Dũng	28/07/1989	Ninh Bình	Răng Hàm Mặt
534	2	Nguyễn Thị Hằng	07/03/1990	Bắc Giang	Răng Hàm Mặt
535	3	Nguyễn Thị Hằng	26/06/1991	Nam Định	Răng Hàm Mặt
536	4	Trần Đức Hoà	22/10/1988	Lào Cai	Răng Hàm Mặt
537	5	Dương Thị Hoà	13/10/1988	Lạng Sơn	Răng Hàm Mặt
538	6	Hà Mai Liên	26/12/1990	Hà Nam	Răng Hàm Mặt
539	7	Đàm Phương Lim	25/01/1988	Cao Bằng	Răng Hàm Mặt
540	8	Nguyễn Thùy Linh	20/01/1992	Thái Bình	Răng Hàm Mặt
541	9	Nguyễn Hải Lộc	19/06/1986	Hải Phòng	Răng Hàm Mặt
542	10	Hoàng Thị Minh	06/03/1990	Nghệ An	Răng Hàm Mặt
543	11	Nguyễn Thuý Nga	24/04/1992	Tuyên quang	Răng Hàm Mặt
544	12	Trịnh Thị Thu Ngọc	06/09/1987	Bắc Giang	Răng Hàm Mặt
545	13	Đậu Thị Hồng Nhung	28/06/1987	Nghệ An	Răng Hàm Mặt
546	14	Cao Thị Ngọc Quyên	26/11/1989	Hải Dương	Răng Hàm Mặt
547	15	Đàm Thị Thu Quyên	14/11/1988	Hà Nội	Răng Hàm Mặt
548	16	Đinh Thị Thu Thuỷ	11/05/1988	Vĩnh Phúc	Răng Hàm Mặt
549	17	Đinh Thị Minh Thuý	21/05/1989	Bắc Ninh	Răng Hàm Mặt
550	18	Nguyễn Thuyên	04/06/1986	Thái Bình	Răng Hàm Mặt
551	19	Phan Thị Hồng Tiến	17/03/1986	Thanh Hoá	Răng Hàm Mặt

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4275 /QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
552	20	Phạm Văn Tiến	19/04/1988	Thái Bình	Răng Hàm Mặt
553	21	Hoàng Thị Tuyết Trinh	20/02/1986	Quảng Bình	Răng Hàm Mặt
554	22	Lê Thùy Dung	25/04/1983	Nam Định	Răng Hàm Mặt
555	23	Nguyễn Thị Bích	04/05/1986	Bắc Ninh	Răng Hàm Mặt
556	1	Nguyễn Hoàng Anh	20/02/1991	Nghệ An	Sản phụ khoa
557	2	Cao Thị Quỳnh Anh	05/04/1991	Quảng Ninh	Sản phụ khoa
558	3	Nguyễn Tuấn Anh	29/11/1991	LB Nga	Sản phụ khoa
559	4	Đinh Thị Vân Anh	05/10/1988	Hà Tĩnh	Sản phụ khoa
560	5	Thành Xuân Anh	05/12/1987	Hà Nội	Sản phụ khoa
561	6	Trịnh Công Báu	26/10/1986	Thái Bình	Sản phụ khoa
562	7	Phạm Khắc Bằng	18/07/1990	Hải Dương	Sản phụ khoa
563	8	Nguyễn Quốc Bình	15/12/1990	Ninh Bình	Sản phụ khoa
564	9	Lộc Thị Cừ	15/10/1989	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
565	10	Hoàng Thị Dịu	10/04/1987	Hà Nội	Sản phụ khoa
566	11	Lương Thùy Dung	26/03/1988	Ninh Bình	Sản phụ khoa
567	12	Bùi Chí Dũng	27/10/1988	Hung Yên	Sản phụ khoa
568	13	Trần Công Dũng	27/07/1987	Nghệ An	Sản phụ khoa
569	14	Lê Quang Dũng	31/08/1990	Quảng Ninh	Sản phụ khoa
570	15	Nguyễn Văn Dũng	07/09/1988	Bắc Ninh	Sản phụ khoa
571	16	Nguyễn Hải Dương	09/11/1989	Thái Bình	Sản phụ khoa
572	17	Nguyễn Tiến Đạt	05/09/1991	Sơn La	Sản phụ khoa
573	18	Phạm Trọng Điệp	10/03/1990	Nam Định	Sản phụ khoa
574	19	Trần Công Định	19/06/1987	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
575	20	Nguyễn Thành Đô	17/03/1990	Hải Dương	Sản phụ khoa
576	21	Lê Thị Hà	11/10/1990	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
577	22	Nguyễn Thị Hà	08/09/1987	Nghệ An	Sản phụ khoa
578	23	Nguyễn Văn Hành	10/05/1987	Bắc Giang	Sản phụ khoa
579	24	Vũ Duy Hạnh	19/01/1992	Nam Định	Sản phụ khoa
580	25	Trần Đăng Hạnh	18/04/1986	Nam Định	Sản phụ khoa
581	26	Phạm Minh Ngọc Hảo	22/11/1991	Phú Yên	Sản phụ khoa
582	27	Lương Thị Hằng	18/05/1989	Sơn La	Sản phụ khoa
583	28	Nguyễn Thị Hằng	21/07/1988	Hà Nội	Sản phụ khoa
584	29	Nguyễn Ngọc Hân	21/03/1987	Hà Nội	Sản phụ khoa
585	30	Vũ Thị Hải Hậu	08/12/1987	Quảng Ngãi	Sản phụ khoa
586	31	Vũ Thị Hiền	09/09/1985	Nam Định	Sản phụ khoa
587	32	Nguyễn Thanh Hiếu	23/08/1990	Hòa Bình	Sản phụ khoa
588	33	Nguyễn Trung Hiếu	15/01/1990	Hung Yên	Sản phụ khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4275/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
589	34	Đỗ Thị Hoa	27/03/1992	Nam Định	Sản phụ khoa
590	35	Vũ Thị Hoa	23/09/1990	Hải Dương	Sản phụ khoa
591	36	Trần Quang Hoàn	06/08/1986	Hà Nội	Sản phụ khoa
592	37	Lê Hoàng	19/11/1991	Vĩnh Phúc	Sản phụ khoa
593	38	Hoàng Văn Huân	12/10/1978	Hà Giang	Sản phụ khoa
594	39	Hoàng Hữu Hùng	04/04/1991	Bắc Giang	Sản phụ khoa
595	40	Hà Mạnh Hùng	23/08/1991	Phú Thọ	Sản phụ khoa
596	41	Nguyễn Mạnh Hùng	16/03/1987	Hà Tĩnh	Sản phụ khoa
597	42	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02/01/1987	Hà Nội	Sản phụ khoa
598	43	Nguyễn Thị Huyền	21/11/1985	Hà Nội	Sản phụ khoa
599	44	Tôn Thị Diệu Hương	09/06/1986	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
600	45	Nguyễn Thị Thu Hương	14/09/1988	Yên Bái	Sản phụ khoa
601	46	Lưu Thùy Hương	13/01/1988	Thái Nguyên	Sản phụ khoa
602	47	Quang Văn Khôi	11/11/1983	Hà Nội	Sản phụ khoa
603	48	Hà Thị Lệ	16/12/1988	Yên Bái	Sản phụ khoa
604	49	Nguyễn Thị Hương Liên	17/10/1990	Hà Nội	Sản phụ khoa
605	50	Phạm Duy Linh	02/07/1989	Hòa Bình	Sản phụ khoa
606	51	Vương Ngọc Linh	28/06/1985	Quảng Ninh	Sản phụ khoa
607	52	Nguyễn Thị Linh	10/02/1981	Hà Nội	Sản phụ khoa
608	53	Thạch Thùy Linh	12/09/1989	Hà Nội	Sản phụ khoa
609	54	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/06/1987	Cao Bằng	Sản phụ khoa
610	55	Lê Thị Loan	03/08/1987	Hà Nam	Sản phụ khoa
611	56	Ngô Ngọc Loát	11/09/1981	Bắc Ninh	Sản phụ khoa
612	57	Nguyễn Thị Lụa	01/01/1987	Hà Nam	Sản phụ khoa
613	58	Nguyễn Ngọc Luân	16/09/1989	Hòa Bình	Sản phụ khoa
614	59	Phạm Quỳnh Ly	17/09/1991	Lạng Sơn	Sản phụ khoa
615	60	Đoàn Ngọc Minh	24/09/1987	Quảng Ninh	Sản phụ khoa
616	61	Lường Văn Mười	20/06/1987	Lai Châu	Sản phụ khoa
617	62	Nguyễn Thị Thanh Nga	20/01/1983	Bắc Ninh	Sản phụ khoa
618	63	Lò Thị Nga	05/08/1987	Điện Biên	Sản phụ khoa
619	64	Hoàng Thị Thu Nga	01/01/1991	Phú Thọ	Sản phụ khoa
620	65	Bạch Thị Bảo Ngân	03/11/1990	Lai Châu	Sản phụ khoa
621	66	Trần Thị Thanh Ngân	07/02/1991	Phú Thọ	Sản phụ khoa
622	67	Hà Thị Ngọc	23/04/1991	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
623	68	Nguyễn Thị Nguyệt	18/11/1988	Bắc Ninh	Sản phụ khoa
624	69	Đỗ Thị Nhẫn	23/07/1986	Hà Giang	Sản phụ khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
625	70	Vi Huyền Nhung	10/07/1988	Lạng Sơn	Sản phụ khoa
626	71	Nguyễn Thùy Ninh	16/12/1989	Bắc Giang	Sản phụ khoa
627	72	Tòng Thị Oai	18/05/1990	Sơn La	Sản phụ khoa
628	73	Thái Thị Oanh	19/09/1991	Nghệ An	Sản phụ khoa
629	74	Lã Thị Lan Phương	26/07/1984	Ninh Bình	Sản phụ khoa
630	75	Phạm Thị Minh Phương	27/04/1972	Hà Nam	Sản phụ khoa
631	76	Vũ Anh Quang	23/05/1985	Hưng Yên	Sản phụ khoa
632	77	Lê Hải Quân	23/11/1987	Vĩnh Phúc	Sản phụ khoa
633	78	Nguyễn Thị Kim Quế	01/02/1979	Phú Thọ	Sản phụ khoa
634	79	Phan Ngọc Quý	02/03/1986	Nam Định	Sản phụ khoa
635	80	Thân Thị Tâm	05/06/1988	Bắc Giang	Sản phụ khoa
636	81	Nguyễn Hoàng Thạch	09/09/1990	Hà Giang	Sản phụ khoa
637	82	Trần Đức Thanh	01/05/1987	Hà Nam	Sản phụ khoa
638	83	Nguyễn Phương Thảo	01/12/1992	Phú Thọ	Sản phụ khoa
639	84	Nguyễn Nam Thắng	15/10/1990	Hà Tĩnh	Sản phụ khoa
640	85	Sin Ngọc Thắng	24/03/1985	Hà Giang	Sản phụ khoa
641	86	Nguyễn Duy Thiết	18/01/1984	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
642	87	Vũ Hữu Thịnh	27/07/1989	Hưng Yên	Sản phụ khoa
643	88	Hoàng Thị Thơm	20/10/1985	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
644	89	Nguyễn Thị Thơm	12/03/1991	Vĩnh Phúc	Sản phụ khoa
645	90	Nguyễn Thị Thơm	22/04/1987	Hà Nội	Sản phụ khoa
646	91	Nguyễn Khắc Thủy	21/08/1989	Hà Nội	Sản phụ khoa
647	92	Nguyễn Thị Thu Thủy	27/09/1984	Vĩnh Phúc	Sản phụ khoa
648	93	Lê Thị Hồng Thúy	15/10/1991	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
649	94	Đỗ Thị Thúy	20/11/1986	Vĩnh Phúc	Sản phụ khoa
650	95	Nghiêm Thị Kim Thu	08/11/1987	Bắc Ninh	Sản phụ khoa
651	96	Nguyễn Văn Tình	20/07/1989	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
652	97	Phạm Mạnh Toàn	14/03/1989	Ninh Bình	Sản phụ khoa
653	98	Nguyễn Ngọc Toàn	02/01/1977	Phú Thọ	Sản phụ khoa
654	99	Nguyễn Hữu Trường	10/12/1983	Hà Nội	Sản phụ khoa
655	100	Đỗ Thị Ngọc Tú	18/10/1989	Bắc Giang	Sản phụ khoa
656	101	Nguyễn Anh Tuấn	12/12/1989	Hà Tĩnh	Sản phụ khoa
657	102	Nguyễn Minh Tuấn	22/12/1989	Hà Nội	Sản phụ khoa
658	103	Phạm Sơn Tùng	24/04/1989	Bắc Giang	Sản phụ khoa
659	104	Hoàng Văn Tuy	19/08/1987	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
660	105	Dương Thị Tuyền	15/03/1988	Bắc Kạn	Sản phụ khoa
661	106	Lê Thị Tuyền	21/10/1987	Thanh Hóa	Sản phụ khoa

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
662	107	Hà Thị Hồng Vân	01/01/1984	Bắc Giang	Sản phụ khoa
663	108	Tạ Tuấn Vũ	02/01/1990	Lạng Sơn	Sản phụ khoa
664	1	Nguyễn Thị Phúc An	10/10/1983	Hải Phòng	Tai - Mũi- Họng
665	2	Lỗ Văn Ca	14/10/1983	Hà Nội	Tai - Mũi- Họng
666	3	Hà Vân Chi	10/10/1989	Hải Dương	Tai - Mũi- Họng
667	4	Trương Thị Chiêm	01/06/1990	Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng
668	5	Tạ Ngọc Cường	01/01/1983	Tuyên Quang	Tai - Mũi- Họng
669	6	Nguyễn Mạnh Cường	16/08/1987	Lạng Sơn	Tai - Mũi- Họng
670	7	Nguyễn Thị Diễm	06/02/1987	Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng
671	8	Phạm Thị Dung	27/07/1984	Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng
672	9	Hoàng Bá Dũng	27/02/1988	Cao Bằng	Tai - Mũi- Họng
673	10	Bùi Chí Hạ	23/11/1976	Yên Bái	Tai - Mũi- Họng
674	11	Ngô Anh Hào	27/01/1977	Phú Thọ	Tai - Mũi- Họng
675	12	Nguyễn Thị Hoài	01/01/1985	Nghệ An	Tai - Mũi- Họng
676	13	Trần Thị Hồng	22/08/1982	Hà Nội	Tai - Mũi- Họng
677	14	Trịnh Thanh Hưng	24/11/1987	Nghệ An	Tai - Mũi- Họng
678	15	Dương Văn Minh	24/09/1989	Thái Nguyên	Tai - Mũi- Họng
679	16	Phạm Văn Nam	11/01/1989	Nam Định	Tai - Mũi- Họng
680	17	Lê Thanh Nga	20/11/1988	Hà Nội	Tai - Mũi- Họng
681	18	Lý Văn Ngọt	18/03/1983	Quảng Ninh	Tai - Mũi- Họng
682	19	Nguyễn Thị Ngọc Phương	19/03/1983	Hà Tĩnh	Tai - Mũi- Họng
683	20	Vũ Duy Quang	10/09/1982	Nghệ An	Tai - Mũi- Họng
684	21	Giáp Văn Quân	27/09/1982	Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng
685	22	Lê Kinh Quyến	29/04/1981	Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng
686	23	Nguyễn Đình Thanh	13/08/1986	Nghệ An	Tai - Mũi- Họng
687	24	Đặng Ngọc Thắng	10/11/1986	Thái Bình	Tai - Mũi- Họng
688	25	Đỗ Văn Thế	01/05/1987	Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng
689	26	Đỗ Thanh Thủy	16/06/1984	Thái Bình	Tai - Mũi- Họng
690	27	Hà Thị Thủy	05/04/1985	Thái Bình	Tai - Mũi- Họng
691	28	Hà Thị Thanh Thúy	24/05/1990	Bắc Thái	Tai - Mũi- Họng
692	29	Lương Văn Trung	29/07/1982	Nam Định	Tai - Mũi- Họng
693	30	Đỗ Văn Tuấn	27/03/1988	Hà Nội	Tai - Mũi- Họng
694	31	Trần Mạnh Tuấn	21/11/1988	Lai Châu	Tai - Mũi- Họng
695	32	Vũ Thị Hồng Vân	21/05/1987	Lai Châu	Tai - Mũi- Họng
696	33	Phùng Thị Bích Việt	14/10/1988	Hà Nội	Tai - Mũi- Họng
697	34	Nguyễn Hải Anh	24/02/1989	Hà Nội	Tai Mũi Họng
698	1	Nông Đức Dũng	07/07/1983	Hà Nội	Tâm thần

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số ~~4245~~ /QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
699	2	Nguyễn Văn Dũng	24/09/1984	Yên Bái	Tâm thần
700	3	Đặng Vũ Hào	14/12/1987	Nam Định	Tâm thần
701	4	Sa Hải Nam	03/11/1983	Sơn La	Tâm thần
702	5	Trịnh Thị Thanh Tâm	14/09/1992	Thái Bình	Tâm thần
703	6	Phạm Hồng Thái	06/12/1977	Thái Bình	Tâm thần
704	7	Đào Trọng Trường	20/05/1981	Phú Thọ	Tâm thần
705	1	Hoàng Thị Dung	30/01/1989	Bắc Ninh	Thần kinh
706	2	Ngô Thị Hồng Hải	15/08/1990	Hà Nội	Thần kinh
707	3	Nguyễn Thị Hạnh	08/09/1990	Hà Giang	Thần kinh
708	4	Nguyễn Văn Học	24/06/1985	Hà Nội	Thần kinh
709	5	Mai Ngọc Khoan	19/10/1988	Hà Giang	Thần kinh
710	6	Dương Thị Thương	12/11/1986	Nam Định	Thần kinh
711	7	Nguyễn Xuân Tiến	15/07/1988	Hà Giang	Thần kinh
712	8	Nguyễn Thị Trang	08/06/1988	Nam Định	Thần kinh
713	9	Hoàng Thị Tuyết	03/07/1988	Hà Nội	Thần kinh
714	10	Vũ Thị Tố Uyên	21/07/1991	Hải Phòng	Thần kinh
715	11	Đinh Thị Xuyến	10/08/1989	Hải Dương	Thần kinh
716	12	Nguyễn Thị Yến	20/05/1985	Thái Bình	Thần kinh
717	1	Nguyễn Hải Anh	25/10/1990	Hà Nội	Truyền nhiễm & các BND
718	2	La Thị Thu Hiền	16/10/1990	Lạng Sơn	Truyền nhiễm & các BND
719	3	Lại Văn Hồng	10/08/1982	Hải Phòng	Truyền nhiễm & các BND
720	4	Vũ Thị Lan	19/11/1987	Vĩnh Phúc	Truyền nhiễm & các BND
721	5	Đinh Bá Lê	18/02/1980	Hà Giang	Truyền nhiễm & các BND
722	6	Dương Thị Liễu	21/09/1989	Cao Bằng	Truyền nhiễm & các BND
723	7	Lò Thị Nhung	26/03/1986	Sơn La	Truyền nhiễm & các BND
724	8	Đặng Thị Pháy	10/07/1986	Yên Bái	Truyền nhiễm & các BND
725	9	Lê Ngọc Tân	05/02/1989	Thanh Hóa	Truyền nhiễm & các BND
726	10	Lương Tiến Thành	18/10/1990	Yên Bái	Truyền nhiễm & các BND
727	11	Châu Văn Tịch	14/07/1979	Tuyên Quang	Truyền nhiễm & các BND
728	12	Vũ Văn Tình	08/10/1990	Nghệ An	Truyền nhiễm & các BND
729	13	Hoàng Văn Tố	02/08/1986	Hà Giang	Truyền nhiễm & các BND
730	14	Lê Trọng Vĩnh	19/01/1981	Hải Phòng	Truyền nhiễm & các BND
731	15	Lường Thị Xuân	08/06/1985	Sơn La	Truyền nhiễm & các BND
732	1	Dương Thị Bình	10/05/1989	Bắc Ninh	Ung thư
733	2	Phạm Tiến Bình	21/07/1984	Yên Bái	Ung thư
734	3	Đinh Văn Chương	24/02/1981	Hà Tĩnh	Ung thư
735	4	Đinh Thị Kim Cúc	17/11/1987	Ninh Bình	Ung thư

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
736	5	Hoàng Trọng Diễm	06/08/1989	Hà Giang	Ung thư
737	6	Nguyễn Đức Hoàn	29/07/1985	Bắc Ninh	Ung thư
738	7	Đào Văn Hùng	05/05/1986	Hà Tĩnh	Ung thư
739	8	Mai Tuấn Hưng	27/02/1986	Hà Nam	Ung thư
740	9	Trần Tuấn Hưng	13/02/1989	Quảng Ninh	Ung thư
741	10	Phan Văn Lượng	11/04/1988	Quảng Bình	Ung thư
742	11	Hoàng Bích Ngọc	07/05/1989	Thái Nguyên	Ung thư
743	12	Nguyễn Thị Nguyệt	10/11/1986	Ninh Bình	Ung thư
744	13	Vũ Đức Nin	03/12/1989	Quảng Ninh	Ung thư
745	14	Nguyễn Thị Oanh	04/08/1990	Bắc Kạn	Ung thư
746	15	Nguyễn Bích Thảo	17/10/1989	Vĩnh Phúc	Ung thư
747	16	Nguyễn Đức Thuận	28/09/1991	Phú Thọ	Ung thư
748	17	Đàm Minh Tịnh	30/09/1985	Hưng Yên	Ung thư
749	18	Vũ Nhật Tuấn	10/09/1990	Hà Nội	Ung thư
750	1	Nguyễn Huy Hà	30/04/1985	Nghệ An	Vi sinh y học
751	2	Nguyễn Thị Huyền	03/11/1989	Bắc Giang	Vi sinh y học
752	3	Bùi Thị Nguyễn	03/10/1988	Thanh Hóa	Vi sinh y học
753	4	Nguyễn Trung Thành	02/05/1989	Thái Bình	Vi sinh y học
754	5	Nguyễn Thị Yến	31/10/1988	Thái Bình	Vi sinh y học
755	1	Phan Văn An	22/03/1976	Hà Nội	Y học cổ truyền
756	2	Nguyễn Phương Anh	14/12/1987	Hà Nội	Y học cổ truyền
757	3	Đinh Thị Ngọc Bích	04/08/1989	Hưng Yên	Y học cổ truyền
758	4	Lê Mạnh Công	05/11/1990	Bắc Giang	Y học cổ truyền
759	5	Hoàng Nghĩa Công	08/08/1987	Nghệ An	Y học cổ truyền
760	6	Vũ Viết Dương	21/06/1985	Hà Nội	Y học cổ truyền
761	7	Trịnh Đặng Đạt	12/05/1989	Ninh Bình	Y học cổ truyền
762	8	Bùi Văn Đức	16/10/1990	Nghệ An	Y học cổ truyền
763	9	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	29/05/1990	Lào Cai	Y học cổ truyền
764	10	Nguyễn Thị Minh Hằng	19/08/1989	Hòa Bình	Y học cổ truyền
765	11	Lê Thị Hằng	26/09/1990	Thanh Hóa	Y học cổ truyền
766	12	Phan Thị Hiền	10/10/1990	Hà Tĩnh	Y học cổ truyền
767	13	Ngô Thị Thu Hiền	13/09/1992	Bắc Giang	Y học cổ truyền
768	14	Lê Phụng Hoàng	08/07/1988	Hòa Bình	Y học cổ truyền
769	15	Lê Thị Thu Hương	03/11/1989	Cao Bằng	Y học cổ truyền
770	16	Trương Thị Lan	04/07/1974	Điện Biên	Y học cổ truyền
771	17	Hoàng Thị Hồng Liên	20/05/1989	Phú Thọ	Y học cổ truyền
772	18	Hồ Viết Long	29/07/1983	Nam Định	Y học cổ truyền

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG, KHÓA 23 NĂM 2020**

(Kèm theo QĐ số 4245/QĐ-ĐHYHN ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Trường ĐHYHN)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
773	19	Nguyễn Thị Hoa Lý	07/05/1980	Ninh Bình	Y học cổ truyền
774	20	Trần Thị Ninh	19/12/1990	Bắc Ninh	Y học cổ truyền
775	21	Dương Minh Phúc	05/08/1985	Hà Nội	Y học cổ truyền
776	22	Nguyễn Nam Phương	15/04/1987	Hà Nội	Y học cổ truyền
777	23	Đặng Ngọc Sỹ	09/08/1988	Nghệ An	Y học cổ truyền
778	24	Hoàng Văn Tân	16/02/1991	Bắc Kạn	Y học cổ truyền
779	25	Hà Tất Thành	27/11/1989	Hà Nội	Y học cổ truyền
780	26	Đỗ Hồng Thắm	12/10/1987	Phú Thọ	Y học cổ truyền
781	27	Nguyễn Đức Thấu	20/04/1988	Bắc Ninh	Y học cổ truyền
782	28	Vũ Thị Thương	17/11/1988	Hưng Yên	Y học cổ truyền
783	29	Nguyễn Hữu Tiến	21/08/1983	Hà Nội	Y học cổ truyền
784	30	Trần Minh Tiến	18/10/1981	Hà Nội	Y học cổ truyền
785	31	Hà Quang Tiến	18/09/1986	Hà Nội	Y học cổ truyền
786	32	Trịnh Quang Tính	05/08/1974	Hà Nội	Y học cổ truyền
787	33	Đỗ Văn Toàn	08/12/1986	Vĩnh Phúc	Y học cổ truyền
788	34	Nguyễn Đình Tùng	09/07/1983	Vĩnh Phúc	Y học cổ truyền
789	35	Lê Thị Thanh Vân	09/08/1983	Thái Nguyên	Y học cổ truyền
790	36	Bùi Quý Vương	14/12/1984	Hòa Bình	Y học cổ truyền
791	1	Đỗ Trọng Hiếu	03/10/1986	Điện Biên	Y học gia đình
792	2	Lò Thị Mỹ	10/12/1986	Điện Biên	Y học gia đình
793	1	Đoàn Văn Hải	17/08/1983	Quảng Ninh	Y học hạt nhân
794	2	Đinh Thị Thu Thủy	01/11/1987	Phú Thọ	Y học hạt nhân
795	1	Trần Vĩnh Giang	11/09/1979	Lai Châu	Y Pháp

Ấn định 795 (bảy trăm chín năm) học viên./.